

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**


Số: 4094 /UBND-TH

Quảng Ngãi, ngày 11 tháng 7 năm 2018

V/v dự toán 2019 và kế hoạch tài chính 2019-2020 hợp phần biến đổi khí hậu thuộc CTMT ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số:6756.....
	Ngày:12/7/18.....
	Chuyển:

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường (Cục Biến đổi khí hậu)

 Thực hiện Công văn số 3424/BTNMT-BĐKH ngày 29/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước năm 2019-2020 hợp phần biến đổi khí hậu thuộc chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

1. Năm 2018, thực hiện Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ và các hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại các Công văn: số 180/BTNMT-KHTC, số 181/BTNMT-KHTC ngày 12/01/2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 667/UBND-TH ngày 02/02/2018 về việc thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh, nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn đầu tư phát triển gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường; trong đó, UBND tỉnh đề xuất 03 nhiệm vụ và dự kiến kinh phí thực hiện từ năm 2018 đến 2019 như sau:

a) Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Dự kiến kinh phí thực hiện: 2.000 triệu đồng, trong đó:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ: 1.000 triệu đồng.
- UBND tỉnh Quảng Ngãi đối ứng: 1.000 triệu đồng.

b) Đánh giá khí hậu tỉnh Quảng Ngãi:

Dự kiến kinh phí thực hiện: 1.000 triệu đồng, trong đó:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ: 400 triệu đồng.
- UBND tỉnh Quảng Ngãi đối ứng: 600 triệu đồng.

c) Rà soát thông tin, dữ liệu hiện có về thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH), tổn thất và thiệt hại; đề xuất thông tin, nghiên cứu bổ sung và phương thức quản lý, chia sẻ dữ liệu tạo thuận lợi cho xây dựng, cập nhật các báo cáo đóng góp của Quốc gia về thích ứng với BĐKH:

Dự kiến kinh phí thực hiện: 500 triệu đồng, trong đó:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ: 200 triệu đồng.
- UBND tỉnh Quảng Ngãi đối ứng: 300 triệu đồng.

2. Dự án Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ như sau:

- Qui mô đầu tư: Chiều dài tuyến đê khoảng 1.850m.
- Nhóm dự án: Nhóm B.
- Tổng mức đầu tư: 146.155 triệu đồng.
- Cơ cấu nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương 96.355 triệu đồng, vốn ngân sách tỉnh 49.800 triệu đồng.
- Địa điểm thực hiện dự án: Huyện Đức Phổ.
- Thời gian thực hiện: Năm 2018 - 2020.

Cụ thể:

- Trong năm 2018 đã thực hiện hoàn thành công tác khảo sát, lập dự án và tiếp tục triển khai các bước tiếp theo: Chuẩn bị xây dựng, bồi thường giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn liên quan và quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư với nhu cầu vốn là: 16.640 triệu đồng (Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương).

- Năm 2019: Tổ chức đấu thầu triển khai thi công xây dựng với nhu cầu vốn là: 64.502 triệu đồng (Ngân sách trung ương 51.709 triệu đồng, ngân sách địa phương 12.793 triệu đồng)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Hạng mục chi phí	Tổng cộng	Nguồn vốn của chương trình (Ngân sách Trung ương)	Nguồn vốn ngân sách tỉnh
Tổng cộng		146.155	96.355	49.800
1	Chi phí xây dựng	103.417	96.355	7.062
2	Chi phí quản lý dự án	1.770	0	1.770
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	6.478	0	6.478

4	Chi phí khác	6.482	0	6.482
5	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	12.018	0	12.018
6	Chi phí dự phòng	15.990	0	15.990

II. Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước các năm 2019, 2020 đối với dự án: Xây dựng tuyến đê biển thôn Thạnh Đức, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ

Trên cơ sở bảng phân khai nguồn vốn và dự kiến tiến độ tổng thể dự án nêu trên, trong các năm 2019, 2020 nhu cầu vốn như sau:

- Năm 2019: 64.502 triệu đồng (Ngân sách trung ương 51.709 triệu đồng, ngân sách địa phương 12.793 triệu đồng).

- Năm 2020: 65.014 triệu đồng (Ngân sách trung ương 44.647 triệu đồng, ngân sách địa phương 20.367 triệu đồng).

Tổng nhu cầu vốn trong giai đoạn 2019-2020 là 129.515 triệu đồng (trong đó: Ngân sách trung ương: 96.355 triệu đồng, ngân sách địa phương: 33.160 triệu đồng).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Biến đổi khí hậu (Bộ TNMT);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, KHĐT, Tài chính;
- BQL Dự án ĐTXD CT NNPTNT tỉnh;
- VPUB: PCVP, NN, CBTH;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Căng



PHỤ LỤC:
BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG TUYẾN ĐÈ BIỂN THÔN THẠNH ĐỨC, XÃ PHỔ THẠNH, HUYỆN ĐỨC PHỔ
(Xem theo Công văn số 4094/UBND-TH ngày 11/7/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KINH PHÍ (Triệu đồng)	Nhu cầu vốn 2018	Nhu cầu vốn 2019	Nhu cầu vốn 2020
I	CHI PHÍ BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ	12,018	12,018	0	0
II	CHI PHÍ XÂY DỰNG	103,417	0	51,709	51,709
III	CHI PHÍ THIẾT BỊ	0	-	0	0
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	1,770	354	708	708
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	6,478	4,113	952	1,414
<i>IV.I</i>	<i>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</i>	<i>1,374</i>	<i>1,374</i>		
1	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất, thu thập tài liệu khí tượng thủy văn	441	441	0	-
2	Chi phí giám sát khảo sát	18	18	0	-
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn lập BCNC KT	13	13	0	-
4	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	500	500	0	-
5	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	102	102	0	-
6	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	300	300	0	-
<i>IV.II</i>	<i>Giai đoạn đầu tư</i>	<i>5,104</i>	<i>2,739</i>	<i>952</i>	<i>1,414</i>
1	Chi phí khảo sát địa hình	300	300	0	0
2	Chi phí khảo sát địa chất	200	200	0	0
3	Chi phí giám sát khảo sát	20	20	0	0
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn TKBV-TC	15	15	0	0
4	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	1,691	1,691	0	0
5	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	100	100	0	0
6	Chi phí thẩm tra dự toán	98	98	0	0

7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1,663	0	832	832
8	Chi phí lập HSMT, HSYC thi công xây dựng	48	0	48	0
9	Chi phí đánh giá HSDT, HSDX thi công xây dựng	59	0	59	0
10	Chi phí lập HSMT, HSYC tư vấn thiết kế	7	7	0	0
11	Chi phí đánh giá HSDT, HSDX tư vấn thiết kế	8	8	0	0
12	Chi phí lập HSMT, HSYC tư vấn giám sát	6	0	6	0
13	Chi phí đánh giá HSDT, HSDX tư vấn giám sát	7	0	7	0
14	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	582	0	0	582
15	Đo vẽ bản đồ địa chính phục vụ bồi thường	300	300	0	0
V	CHI PHÍ KHÁC	6,482	155	3,139	3,189
1	Chi phí hạng mục chung	4,097	0	2,049	2,049
2	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	16	16	0	0
3	Phí thẩm định thiết kế BVTC	18	18	0	0
4	Phí thẩm định dự toán	17	17	0	0
5	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC thi công xây dựng	52	52	0	0
6	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	52	52	0	0
7	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC tư vấn	2	0	2	0
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn	2	0	2	0
9	Chi phí kiểm toán	878	0	0	878
10	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	262	0	0	262
11	Chi phí bảo hiểm công trình	1,086	0	1,086	0
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	15,990	0	7,995	7,995
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	11,962	0	5,981	5,981
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	4,028	0	2,014	2,014
VII	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ/ NHU CẦU VỐN QUA CÁC NĂM	146,155	16,640	64,502	65,014